

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber, WhatsApp, Wechat)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ - SONG NGỮ VIỆT ANH

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ INTERNATIONAL SALES REPRESENTATIVE CONTRACT

CÁC BÊN:

BETWEEN:

Bên Giao đại diện

The Principal

Tên (tên công ty):

Name (company name):

Hình thức pháp lý (ví dụ công ty trách nhiệm hữu hạn):

Legal form (e.g. limited liability company):

Quốc tịch và (nếu có thể) số đăng ký kinh doanh:

Nationality and (if applicable) business registration number:

Địa chỉ (địa điểm kinh doanh, số điện thoại, số fax, email):

Address (place of business, phone, fax, email):

Đại diện bởi (tên, chức vụ, địa chỉ):

Represented by (name, title, address):

Sau đây gọi là "Bên giao đại diện"

Hereinafter referred to as the "Principal"

Đại diện

Tên (tên công ty):

Name (company name):

Hình thức pháp lý (ví dụ công ty trách nhiệm hữu hạn):

Legal form (e.g. limited liability company):

Quốc tịch và (nếu có thể) số đăng ký kinh doanh:

Nationality and (if applicable) business registration number:

Địa chỉ (địa điểm kinh doanh, số điện thoại, số fax, email):

Address (place of business, phone, fax, email):

Đại diện bởi (tên, chức vụ, địa chỉ):

Represented by (name, title, address):

Sau đây gọi là "Đại diện"

Hereinafter referred to as the "Representative"

[có thể thêm các thông tin khác, nếu cần, ví dụ mã số thuế/tài chính của các Bên]

[additional information can be added, if necessary, e.g. tax/financial code of the Parties]

Sau đây gọi chung là "các Bên"

Hereinafter collectively referred to as the "Parties"

MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – SONG NGỮ VIỆT ANH

Bối cảnh chung

Whereas

A. Bên giao đại diện hoạt động kinh doanh trong (sản xuất/cung cấp) loại [nêu cụ thể loại hàng hóa/dịch vụ]

A. The Principal is in the business of (manufacturing/supplying) [specify type of goods/services]

B. Đại diện thực hiện (việc giới thiệu và) [có thể xóa bỏ nếu không phù hợp] xúc tiến bán sản phẩm (hoặc dịch vụ) liên quan đến [nêu cụ thể] như là một phần hoạt động kinh doanh của mình.

B. The Representative performs the (introduction and) [delete if not relevant] promotion of the sale of products (or services) related to [specify] as part of its business operation.

C. Bên giao đại diện muốn chỉ định Đại diện để (giới thiệu và) [có thể xóa bỏ nếu không phù hợp] xúc tiến bán các sản phẩm (hoặc dịch vụ) liên quan đến công việc kinh doanh của Bên giao đại diện và Đại diện sẵn sàng xúc tiến bán sản phẩm (hoặc dịch vụ) đó theo các điều khoản của hợp đồng này.

C. The Principal would like to appoint the Representative to (introduce and) [delete if not relevant] promote the sale of products (or services) related to the Principal's business. The Principal and the Representative are willing to promote the sale of such products (or services) under the terms of this contract.

Điều khoản hoạt động

Terms of operation

1. Phạm vi chỉ định

1.1. *Scope of designation*

1.1. Bên giao đại diện chỉ định Đại diện là Đại diện thương mại của mình để thúc đẩy việc bán sản phẩm (hoặc dịch vụ) trong khu vực lãnh thổ (và trong các kênh xúc tiến) như được định nghĩa dưới đây.

1.1. The Principal appoints the Representative as its Sales Representative to promote the sale of products (or services) within its territories (and through promotion channels) as defined below.

1.2. Sản phẩm (hay dịch vụ). Các sản phẩm (hay dịch vụ) sau đây sẽ được xúc tiến tiêu thụ bởi Đại diện theo hợp đồng này: [mô tả sản phẩm/dịch vụ]

1.2. Products (or services). The following products (or services) shall be promoted for sales by the Representative under this contract: [product/service description]

1.3. Khu vực. Sản phẩm (hay dịch vụ) được xúc tiến tiêu thụ bởi Đại diện theo hợp đồng này trong các khu vực lãnh thổ sau đây: [mô tả khu vực]

MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – SONG NGỮ VIỆT ANH

1.3. *Territory. Products (or services) shall be promoted for sales by the Representative under this contract in the following territory: [territory description]*

.....
.....

1.4. (các) Kênh xúc tiến [có thể xóa nếu không liên quan]. Các sản phẩm (hay dịch vụ) phải được xúc tiến thiêu thụ bởi Đại diện thông qua các kênh sau: [mô tả các kênh xúc tiến].

1.4. *Promotion channel(s) [delete if not relevant]. Products (or services) shall be promoted by the Representative through the following channels: [description of promotion channels].*

.....
.....

Bình luận: Các Bên có thể giới hạn phạm vi của hợp đồng đại diện chỉ cho một số nhóm khách hàng nhất định. Liên quan đến việc xác định các kênh xúc tiến, các Bên có thể liệt kê danh sách các loại kênh cụ thể trong hợp đồng này (các nhà bán lẻ, người sử dụng công nghiệp, nhà phân phối lớn) hoặc liệt kê những loại kênh mà hợp đồng không áp dụng.

Comment: The Parties may limit the scope of the sales representative contract to only certain groups of customers. With regard to the identification of promotion channels, the Parties may list out the specific types of channels in this contract (retailers, industrial users, major distributors) or list those channels to which the contract does not apply.

2. Nghĩa vụ của Đại diện

2. Obligations of the Representative

2.1. Khi thực hiện các hoạt động của mình, Đại diện phải tập trung cho lợi ích của bên giao đại diện và hành động có trách nhiệm và thiện chí.

2.1. *In performing its activities, the Representative must focus on the interests of the Principal and act responsibly and in good faith.*

2.2. Đại diện phải (giới thiệu) [có thể xóa nếu không liên quan] các sản phẩm (hay dịch vụ) và thúc đẩy việc bán sản phẩm (hay dịch vụ) đó trong khu vực (và theo các kênh xúc tiến) [có thể xóa bỏ nếu không liên quan]. Đại diện không có quyền ký kết hợp đồng nhân danh Bên giao đại diện hay bằng cách nào đó ràng buộc Bên giao đại diện nhưng Đại diện có thể chuyển các đơn chào hàng nhận được cho Bên giao đại diện.

2.2. *The Representative must (introduce) [delete if not relevant] the products (or services) and promote the sale of such products (or services) within the territory (and through promotion channels) [delete if not relevant]. The Representative has no right to enter into a contract on behalf of the Principal or otherwise binding the Principal, but the Representative may forward the received offers to the Principal.*

MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – SONG NGỮ VIỆT ANH

[Phương án khác (áp dụng trong trường hợp Đại diện có quyền ràng buộc Bên giao đại diện):

“2.2. Đại diện phải (giới thiệu) sản phẩm (hay dịch vụ) [có thể xóa bỏ nếu không liên quan], thúc đẩy, đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán sản phẩm (hay dịch vụ) trong khu vực (và qua các kênh xúc tiến) [có thể xóa bỏ nếu không liên quan] theo các điều khoản quy định trong hợp đồng này. Đại diện phải chuyển bất kỳ đơn đặt hàng nào bên này nhận được cho bên giao đại diện.”]

[Alternative (applicable in case the Representative has the right to bind the Principal): “2.2. The Representative must (introduce) the products (or services) [delete if not relevant], promote, negotiate, and contract for the sale of the products (or services) in the territory (and through promotion channels) [delete if not relevant] under the terms of this contract. The Representative must transmit any orders it receives to the Principal.”]

2.3. Đại diện không có quyền nhận thanh toán dưới tên hay nhân danh Bên giao đại diện mà không có ủy quyền trước bằng văn bản của Bên giao đại diện về việc đó. Nếu Đại diện được ủy quyền làm vậy, Đại diện phải chuyển khoản thanh toán đó sớm nhất cho Bên giao đại diện và cho đến khi đó phải giữ tiền vào một tài khoản tiền gửi riêng biệt với danh nghĩa của các Bên giao đại diện.

2.3. The Representative has no right to receive payments in the name or on behalf of the Principal without the Principal's prior written authorization to that effect. If the Authorized Representative does so, the Representative must transfer the payment to the Principal as soon as possible and until then must keep the fund in a separate deposit account on behalf of the Principal.

2.4. Đại diện phải tuân thủ chặt chẽ các điều khoản hợp đồng mà Bên giao đại diện đưa ra và phải hướng sự chú ý của khách hàng tới các điều khoản và điều kiện mua bán (đặc biệt là thời hạn giao hàng, giá cả và điều kiện thanh toán) mà Bên giao đại diện đưa ra.

2.4. The Representative must strictly adhere to the contractual terms set out by the Principal and must direct the customer's attention to the terms and conditions of sale (in particular, delivery time, price and payment terms) offered by the Principal.

2.5. Đại diện phải thực hiện việc thông tin cho Bên giao đại diện về các hoạt động của mình, các điều kiện thị trường và tình hình cạnh tranh với sự cần mẫn hợp lý. Đại diện phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết bằng [nêu rõ ngôn ngữ hợp lý] cho Bên giao đại diện liên quan đến luật và quy định trong khu vực áp dụng cho sản phẩm (hay dịch vụ) đó cũng như các hoạt động của mình mà mình biết được. Đại diện cứ mỗi (3 tháng) [có thể nêu thời hạn khác] cũng phải gửi báo cáo về các hoạt động của mình.

2.5. The Representative shall keep the Principal informed of its activities, market conditions and competition with reasonable diligence. The Representative shall provide all necessary information in [specify reasonable language] to the Principal regarding the applicable local laws and regulations for such products (or services) as well as its activities that are known to the Representative. The Representative also has to submit a report every (3 months) [can specify another deadline] on its activities.

MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – SONG NGỮ VIỆT ANH

2.6. Đại diện phải thực hiện các hoạt động một cách độc lập và trong bất cứ trường hợp nào cũng không được coi là nhân viên của Bên giao đại diện.

2.6. The Representative must perform the activities independently and under no circumstances should it be considered the Principal's employees.

3. Nghĩa vụ của Bên giao đại diện

3. Obligations of the Principal

3.1. Liên quan đến Đại diện, Bên giao đại diện phải hành động một cách có trách nhiệm và thiện chí.

3.1. With regard to the Representative, the Principal must act in a responsible and good-faith manner.

3.2. Bên giao đại diện phải trả thù lao cho Đại diện theo các quy định về tiền hoa hồng và các điều khoản thanh toán trong hợp đồng này.

3.2. The Principal must pay the Representative's remuneration in accordance with the commission and payment terms in this contract.

3.3. Bên giao đại diện phải thông báo cho Đại diện trước khi thực hiện nghĩa vụ quy định trong Điều 2.2 về tổng đơn đặt hàng tối thiểu cần có để Bên giao đại diện có thể cung cấp sản phẩm (hay dịch vụ).

3.3. The Principal shall notify the Representative prior to the performance of the obligations set out in Article 2.2 of the total minimum order quantity required for the Principal to be able to supply the products (or services).

3.4. Bên cạnh đó, Bên giao đại diện phải thông báo không chậm trễ cho Đại diện chấp thuận, từ chối hay việc không thực hiện bất kỳ chào hàng/đặt hàng nào mà Đại diện chuyển tới.

3.4. In addition, the Principal must notify the Representative, without delay, of its approval, refusal or failure to perform any offers/orders sent by the Representative.

3.5. Bên giao đại diện không được từ chối các đơn chào hàng/đặt hàng do Đại diện chuyển đến trừ khi:

3.5. The Principal may not refuse offers/orders sent by the Representative unless:

3.5.1. Có những nghi ngờ thực sự, kèm theo bằng chứng bằng văn bản, về khả năng thanh toán của khách hàng.

3.5.1. There are real doubts, accompanied by written evidence, of the customer's solvency.

3.5.2. Đơn chào hàng không thỏa mãn kỳ vọng của Bên giao đại diện về mặt hình ảnh và tiêu chuẩn.

3.5.2. The offer does not meet the Principal's expectations in terms of image and standards.

MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – SONG NGỮ VIỆT ANH

3.5.3. Tổng các đơn đặt hàng thu thập bởi Bên đại diện thấp hơn mức đơn đặt hàng tối thiểu quy định trong Điều 3.3.

3.5.3. The sum of the orders collected by the Representative is less than the minimum order quantity specified in Clause 3.3.

3.6. Việc từ chối không có căn cứ của Bên giao đại diện đối với các đơn chào hàng/đặt hàng sẽ được coi là hành vi vi phạm hợp đồng của bên giao đại diện.

3.6. The Principal's unjustified refusal of offers/orders shall be considered as a breach of the contract by the Principal.

3.7. Bên giao đại diện phải ngay lập tức thông báo cho Đại diện về bất kỳ thay đổi nào đối với loại sản phẩm (hay dịch vụ), giá cả, điều kiện mua bán hoặc điều kiện thanh toán cũng như bất kỳ thay đổi nào về đặc điểm kỹ thuật hoặc khả năng cung cấp sản phẩm (hoặc dịch vụ). Nếu Bên giao đại diện thấy rằng khả năng cung cấp của bên giao đại diện thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng thông thường của đại diện, bên giao đại diện phải thông báo không chậm trễ cho Đại diện.

3.7. The Principal shall immediately notify the Representative of any change to the products (or services), price, terms of sale or payment, as well as any changes to the technical specifications or product (or service) offering. If the Principal finds that the Principal's capacity to provide is significantly lower than the Principal's usual expectation, the Principal shall notify the Representative without undue delay.

3.8. Bên giao đại diện phải cung cấp miễn phí cho Đại diện tất cả các thông tin và tài liệu cần thiết để thực hiện hợp đồng này, bao gồm, nhưng không hạn chế ở, các điều khoản và điều kiện bán hàng, bảng giá và các tài liệu kỹ thuật.

3.8. The Principal shall provide the Representative, free of charge, all information and documents necessary to perform this contract, including, but not limited to, the terms and conditions of sale, price list and technical documents.

3.9. Bên giao đại diện phải thông tin cho Đại diện về bất kỳ liên lạc nào với hoặc tới khách hàng trong khu vực.

3.9. The Principal must keep the Representative informed of any communication with or to customers in the territory.

4. Đơn đặt hàng tối thiểu

4. Minimum order quantity

4.1. Đại diện sẽ phải đáp ứng các mục tiêu đặt hàng tối thiểu quy định trong phụ lục 1.

4.1. The Representative shall have to meet the minimum order quantity target specified in Appendix 1.

4.2. Các mục tiêu này sẽ được rà soát lại hàng năm [nêu các thời hạn khác]

MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – SONG NGỮ VIỆT ANH

4.2. *These targets shall be reviewed annually [specify other deadlines].*

4.3. Nếu vào cuối năm [có thể nêu thời hạn khác], yêu cầu về số lượng/lượng tối thiểu đơn đặt hàng áp dụng cho năm đó không được đáp ứng bởi Đại diện, với điều kiện phải thông báo trong vòng 1 tháng và không muộn hơn 2 tháng [có thể nêu thời hạn khác] sau khi kết thúc năm đó, Bên giao đại diện có quyền lựa chọn:

4.3. *If by the end of the year [another deadline may be specified], the minimum order quantity requirement applicable for that year is not met by the Representative, provided that the Representative is notified within 1 month and not later than 2 months [another period may be specified] after the end of that year, the Principal has the right to either:*

4.3.1. Chấm dứt hợp đồng này theo Điều 14;

4.3.1. *Terminate this contract according to Article 14;*

4.3.2. Xóa độc quyền của Đại diện (nếu thích hợp); hay

4.3.2. *Remove the Representative's exclusive (if applicable); or*

4.3.3. Thu hẹp phạm vi khu vực, bằng cách loại bỏ một số khu vực mà Đại diện thực hiện được ít hoạt động xúc tiến.

4.3.3. *Narrow the territory coverage, by eliminating some areas where the Representative performs little promotion.*

5. Quảng cáo, hội chợ và triển lãm

5. Advertisements, fairs and exhibitions

5.1. Các bên phải thỏa thuận về chiến lược quảng cáo sẽ được thực hiện trong khu vực.

5.1. *The Parties must agree on an advertising strategy to be implemented in the territory.*

5.2. Chi phí của chiến dịch quảng cáo thỏa thuận sẽ do bên giao đại diện chịu.

5.2. *The cost of the agreed advertising campaign shall be borne by the Representative.*

[Phương án khác: “5.2. Chi phí của chiến dịch quảng cáo thỏa thuận sẽ được phân bổ cho các Bên theo tỷ lệ như sau:

[Alternatives: “5.2. The cost of the agreed advertising campaign shall be allocated to the Parties according to the following proportions:

Bên giao đại diện: %

The Principal:%

Đại diện:%”

The Representative:%”

MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – SONG NGỮ VIỆT ANH

5.3. Bên giao đại diện phải cung cấp miễn phí cho Đại diện các nội dung và phương tiện quảng cáo liên quan đến sản phẩm (hoặc dịch vụ) cần thiết để thực hiện hợp đồng này.

5.3. The Principal must provide the Representative, free of charge, the content and advertising facilities related to the products (or services) necessary to perform this contract.

[Tùy chọn:

[Optional:

5.4. “Bên giao đại diện cũng phải cho phép Đại diện phát hành các nội dung và phương tiện quảng cáo để sử dụng chỉ liên quan đến sản phẩm (hoặc dịch vụ) theo hợp đồng này mà không sử dụng vào bất kỳ mục đích nào khác. Tất cả nội dung và phương tiện quảng cáo được sử dụng bởi Đại diện liên quan đến sản phẩm (hay dịch vụ) phải tuân thủ chặt chẽ các hướng dẫn và chính sách marketing của bên Giao đại diện”]

5.4. “The Principal also must allow the Representative to release advertising content and means for use solely in connection with the products (or services) under this contract and not for any other purpose. All advertising content and means used by the Representative in connection with the products (or services) must strictly adhere to the Principal's instructions and marketing policies”]

5.5. Trong bất kỳ trường hợp nào, Đại diện phải đảm bảo rằng chiến dịch quảng cáo cũng như nội dung và phương tiện quảng cáo phải tuân theo các quy tắc và quy định của địa phương.

5.5. In any event, the Representative shall ensure that the advertising campaign, as well as the advertising content and means, comply with the local rules and regulations.

5.6. Các bên phải tham gia vào các hội chợ, triển lãm trong khu vực như quy định trong phụ lục 2.

5.6. The Parties must participate in the territory's fairs and exhibitions as specified in Appendix 2.

5.7. Bên giao đại diện sẽ phải chịu tất cả các chi phí phát sinh khi tham gia vào các hội chợ và triển lãm.

5.7. The Principal shall bear all costs incurred when participating in fairs and exhibitions.

[Phương án khác: “5.7. Chi phí tham gia của Đại diện sẽ được phân bổ giữa các Bên theo tỷ lệ như sau:

[Alternative: “5.7. The cost of the Representative's participation shall be distributed among the Parties on a proportional basis as follows:

Bên giao đại diện:%

The Principal:%

Đại diện:%”]

The Representative:%”]

MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – SONG NGỮ VIỆT ANH

6. Internet

6. The Internet

Đại diện không được phép quảng cáo hay thúc đẩy bán sản phẩm hay các hoạt động của mình trong vai trò là Đại diện của bên giao đại diện trên Internet mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên Giao đại diện.

The Representative may not advertise or promote the sale of its products or activities as the Principal's Representative on the Internet without the Principal's prior written consent.

7. Không cạnh tranh

7. No competition

[Bình luận: Các Bên có thể muốn gia hạn thời hạn của điều khoản không cạnh tranh sau khi chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp như vậy, các Bên cần chú ý các quy định bắt buộc trong Chỉ thị của EC ngày 18 tháng 12 năm 1986 và các hệ thống pháp luật khác hạn chế tính hiệu lực của một điều khoản như vậy và cho phép tòa án giám định nghĩa vụ của các Bên.]

[Comment: The Parties may wish to extend the term of the non-competition clause after the termination of the contract. In such a case, the Parties should take note of the mandatory provisions in EC Directive dated 18 December 1986 and other legal systems that limit the validity of such a provision and permit the courts to assess the obligations of the Parties.]

7.1. Đại diện không được cạnh tranh với Bên giao đại diện hay tham gia bất kỳ mối quan hệ kinh doanh nào với đối thủ cạnh tranh của bên giao đại diện trong suốt thời hạn thực hiện hợp đồng này.

7.1. The Representative may not compete with the Principal or enter into any business relationship with the Principal's competitors during the term of this contract.

7.2. Đặc biệt, Đại diện không được phép giới thiệu, sản xuất, cung cấp hay bán trực tiếp trong khu vực (và trong các kênh xúc tiến) bất kỳ sản phẩm (hay dịch vụ) nào giống với các sản phẩm (hay dịch vụ) hay cạnh tranh với sản phẩm (hay dịch vụ) trong hợp đồng này mà không có sự ủy quyền trước bằng văn bản của bên giao đại diện.

7.2. In particular, the Representative is not authorized to introduce, manufacture, supply or sell directly within the territory (and through promotion channels) any products (or services) resembling or competing with the products (or services) under this contract without the Principal's prior written authorization.

[Tùy chọn:

[Optional:

MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – SONG NGỮ VIỆT ANH

7.3. “Tuy nhiên, Đại diện có thể giới thiệu, sản xuất, cung cấp hay bán sản phẩm (hay dịch vụ) không cạnh tranh với sản phẩm (hay dịch vụ) theo hợp đồng này miễn là Đại diện phải thông báo trước cho bên giao đại diện về hoạt động này.”]

7.3. “*However, the Representative may introduce, produce, supply or sell products (or services) that do not compete with products (or services) under this contract provided that the Representative has to notify the Principal in advance about this activity.*”]

[Tùy chọn:

[Optional:

7.4. “Đại diện phải thông báo cho bên giao đại diện về bất kỳ hợp đồng hiện tại nào có tính ràng buộc với Đại diện về bất kỳ sản phẩm (hay dịch vụ) nào khác cho dù với tư cách là nhà sản xuất, người đại diện, Bên đại diện hay nhà bán lẻ và sau đó cũng phải thông tin cho bên giao đại diện về các hoạt động như vậy của mình. Liên quan đến nghĩa vụ này, Đại diện tuyên bố rằng, vào thời điểm hợp đồng này được ký, mình đang đại diện (và/hoặc sản xuất, phân phối, bán trực tiếp hoặc gián tiếp) các sản phẩm (hoặc dịch vụ) quy định trong Phụ lục 3. Việc thực hiện các hoạt động này bởi Đại diện sẽ không làm phương hại đến việc hoàn thành nghĩa vụ của bên này với bên giao đại diện theo hợp đồng này.”]

7.4. “*The Representative must notify the Principal of any existing contract binding on the Representative for any other products (or services) whether as a manufacturer, agent, representative or retailer, and thereafter shall also inform the Principal of such activities. In connection with this obligation, the Representative declares that, at the time of signing this contract, they are representing (and/or manufacturing, distributing, directly or indirectly) the products (or services) as set out in Appendix 3. The execution of these activities by the Representative shall not prejudice the fulfillment of its obligations to the Principal under this contract.*”]

[Tùy chọn

[Optional

7.5. “Nghĩa vụ này sẽ có hiệu lực trong khoảng thời gian hai [số khác] năm sau khi chấm dứt hợp đồng này].

7.5. “*This obligation shall be in effect for a period of two [specify other numbers] years after terminating this contract.*”]

8. Giới hạn khu vực

8. Territory limitation

MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – SONG NGỮ VIỆT ANH

8.1. Đại diện không được tìm kiếm các đơn đặt hàng (hoặc đàm phán và ký kết hợp đồng) [có thể xóa bỏ nếu không áp dụng] ngoài khu vực lãnh thổ nêu trong hợp đồng này trừ khi có sự chấp thuận rõ ràng của bên giao đại diện.

8.1. The Representative may not seek orders (or negotiate and enter into a contract) [delete if not applicable] outside of the territory stated in this contract unless expressly agreed by the Principal.

8.2. Đại diện phải thông báo cho bên giao đại diện về bất cứ đơn đặt hàng nào ngoài khu vực. Những thông báo như vậy sẽ không mang lại quyền được trả hoa hồng cho Đại diện.

8.2. The Representative must notify the Principal of any out-of-territory orders. Such notices do not confer to the Representative the right to earn commissions.

9. Thương hiệu và quyền sở hữu

9. Trademarks and ownership

9.1. Bên giao đại diện cấp cho Đại diện quyền sử dụng thương hiệu, tên thương mại hay tài sản trí tuệ liên quan đến sản phẩm (hay dịch vụ) nêu trong hợp đồng này với mục đích để Bên Đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này.

9.1. The Principal grants the Representative the right to use trademarks, trade names or intellectual property related to the products (or services) stated in this contract for the purpose of allowing the Representative to exercise its rights and perform its obligations under this contract.

9.2. Đại diện phải sử dụng thương hiệu, tên thương mại hay tài sản trí tuệ của Bên giao đại diện liên quan đến sản phẩm (hay dịch vụ) theo cách thức quy định bởi bên giao đại diện và vì lợi ích duy nhất của bên giao đại diện và không vì bất kỳ lợi ích của ai khác.

9.2. The Representative must use the Principal's trademarks, trade names or intellectual property in connection with the products (or services) in the manner specified by the Principal and for the Principal's sole benefit and not for the benefit of anyone else.

9.3. Bất cứ việc sử dụng thương hiệu, tên thương mại hay tài sản trí tuệ nào của Bên giao đại diện trên các giấy tờ của Đại diện, trên có phương tiện quảng cáo hay trên các phương tiện/tài liệu khác gửi đến các Bên thứ ba hay trên Internet đều phải có sự chấp thuận trước của bên giao đại diện.

9.3. Any use of the Principal's trademark, trade name or intellectual property on the Representative's papers, in advertising media or in other means/materials sent to the third parties or on the Internet must have the prior approval of the Representative.

9.4. Đại diện đồng ý không đăng ký, cũng không cho phép hoặc ủng hộ việc đăng ký của một bên thứ ba bất kỳ thương hiệu nào trong hợp đồng này trong khu vực. Đại diện cũng đồng ý không đưa thương hiệu theo hợp đồng này vào tên thương mại hay tên công ty của mình.

MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ – SONG NGỮ VIỆT ANH

9.4. *The Representative agrees not to register, nor to permit or endorse the registration of, a third party of any trademark in this contract in the territory. The Representative also agrees not to include the trademark stated in this contract in its trade name or company name.*

9.5. Đại diện phải thông báo cho bên giao đại diện về bất cứ sự xâm phạm làm tổn hại thương hiệu, tên thương mại hay ký hiệu hay bất cứ tài sản trí tuệ nào khác của Bên giao đại diện mà Đại diện biết.

9.5. *The Representative must notify the Principal of any infringement that damages the Principal's trademarks, trade names or symbols or any other intellectual property known to the Principal.*

9.6. Bên giao đại diện phải đảm bảo với Đại diện rằng sản phẩm cũng như thương hiệu, tên thương mại hay các ký hiệu khác của bên giao đại diện không xâm phạm bất cứ quyền sở hữu trí tuệ nào khác của bất kỳ bên thứ ba trong khu vực.

9.6. *The Principal guarantees to the Representative that the Principal's products, trademarks, trade names or other symbols do not infringe any other intellectual property rights of any third party in the territory.*

9.7. Liên quan đến vấn đề này, Bên giao đại diện đảm bảo Đại diện không phải chịu bất kỳ và tất cả các chi phí mất mát, thiệt hại và trách nhiệm có thể phát sinh do hành vi vi phạm thương hiệu phát sinh từ việc Đại diện sử dụng thương hiệu, tên thương mại hay bất kỳ ký hiệu nào khác của bên giao đại diện.

9.7. *In this regard, the Principal guarantees that the Representative does not bear any costs of loss, damage or liabilities that may arise as a result of trademark infringement arising from the Representative's use of the trademarks, trade names or any other symbols of the Principal.*

10. Quyền độc quyền

10. Exclusive rights

[Có thể bỏ các phần tùy chọn và cách quy định khác nếu không liên quan]

[Options and rules can be removed if not relevant]

Bên giao đại diện cấp quyền độc quyền cho Đại diện. Điều này có nghĩa là Bên giao đại diện không chỉ định các Đại diện khác trong khu vực (và trong các kênh xúc tiến) trong thời hạn của hợp đồng này.

The Principal grants exclusive rights to the Representative. This means that the Principal does not appoint other Representatives in the territory (and through promotion channels) during the term of this contract.

[Tùy chọn (Bán hàng trực tiếp bởi Bên giao đại diện): “Tuy nhiên, Bên giao đại diện giữ lại quyền marketing trực tiếp hoặc bán trực tiếp sản phẩm (hoặc dịch vụ) trong khu vực (và trong các kênh xúc tiến, gồm cả Internet).”]

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber, WhatsApp, Wechat)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ - SONG NGỮ VIỆT ANH

- Trên đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **30%** tài liệu.
- **ĐẶT MUA** và **thanh toán online** trên website www.dichthuatsms.com để nhận được tài liệu đầy đủ dạng **file word**.

-
- *Nhiều cách thanh toán: chuyển khoản, thẻ ngân hàng, quét mã QR, quét mã MoMo, ZaloPay, AirPay...*
 - *Liên hệ **0934.436.040** (Zalo, Viber) nếu bạn cần hỗ trợ.*